

KHÁI QUÁT HỆ THỐNG BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP MAY VIỆT NAM

● **NGUYỄN THỊ TÔ PHƯỢNG**

Khoa Kế toán Kiểm toán

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

TÓM TẮT:

Bài viết đã tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước về hệ thống thông tin kế toán quản trị (MAIS), hiệu quả hoạt động doanh nghiệp (OP), các nhân tố ảnh hưởng đến MAIS và tác động của MAIS đến OP. Nghiên cứu có điểm mới ở việc xem xét vai trò điều tiết của quy mô doanh nghiệp (SIZE) và xuất khẩu (EXPORT) đối với OP, đồng thời phân tích vai trò trung gian của chiến lược đổi mới (IS) trong mối quan hệ giữa MAIS và OP. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu tác động của MAIS đến OP tại các doanh nghiệp may Việt Nam và đưa ra các khuyến nghị nhằm hỗ trợ phát triển bền vững. Nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của MAIS trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động và quản trị chiến lược của doanh nghiệp sản xuất.

Từ khóa: hệ thống báo cáo kế toán quản trị (HTBCKTQT), kế toán quản trị (KTQT), phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp công nghệ và hội nhập toàn cầu đặt ra yêu cầu cho các doanh nghiệp (DN) tại Việt Nam cần học hỏi nhiều hơn từ hệ thống quản trị tri thức thế giới để đầu tư, nâng cấp quản trị tri thức của DN, đặc biệt là hệ thống báo cáo kế toán quản trị (MAIS - Management accounting information system). Tuy nhiên, trước những diễn biến xung quanh quá trình hội nhập có thể nhận thấy một số khó khăn đối với toàn cầu hóa tại Việt Nam, trong đó có vấn đề về việc hoàn thiện MAIS và thúc đẩy hiệu quả hoạt động của DN (OP - Organization performance).

OP là nền tảng cho quá trình tái sản xuất - kinh doanh của DN. Một DN vận hành tốt sẽ có tác động tích cực đến quá trình sản xuất, ngược lại, việc vận hành kém OP sẽ kìm hãm sự phát triển của tổ chức. Điều đó khẳng định kết quả kinh doanh là mục tiêu chiến lược lâu dài của hầu hết các DN. Nhằm nâng cao OP, các DN tại Việt Nam cần không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị (MAIS) trong điều kiện nhận thức không chắc chắn về môi trường kinh doanh (PEU - Perceived environmental uncertainty) và cơ cấu tổ chức (OS - Organizational structural), nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường.

Trong lĩnh vực kinh tế nói chung và kế toán nói riêng, nghiên cứu về MAIS trong DN đang là lĩnh vực được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

Đối với Việt Nam, may được coi là ngành sản xuất và xuất khẩu lớn thứ hai trong cả nước. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề ảnh hưởng của MAIS đến OP của các DN ngành may Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết thực nghiệm

Tổng quan nghiên cứu nhằm tổng hợp, phân tích, so sánh và đánh giá các công trình khoa học có liên quan đến hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các DN may Việt Nam. Các nghiên cứu được sắp xếp theo kết quả nghiên cứu, thời gian nghiên cứu nhằm tìm ra hạn chế, đưa ra khoảng trống trong nghiên cứu.

2.1. Các nghiên cứu về hệ thống báo cáo kế toán quản trị

Các kết quả về MAIS đều cho thấy các tác động đến MAIS là một tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng MAIS. Cách tiếp cận đo lường MAIS được lựa chọn trên lợi ích của các DN và liên quan đến quá trình hoạt động của các DN. Tuy còn nhiều hạn chế nhưng các nghiên cứu đã có xu hướng áp dụng thêm nhiều tiêu chí khác để đánh giá về MAIS.

MAIS ra đời gắn với thị trường toàn cầu và khởi nguồn từ nhu cầu của các nhà lãnh đạo điều hành tổ chức. Khi thị trường hội nhập phát triển, các nghiên cứu càng chỉ rõ vai trò của nhà lãnh đạo và đưa ra ứng dụng của MAIS đến OP của DN. Tại Việt Nam, dựa trên lịch sử phát triển của MAIS, MAIS còn khá mới, tuy nhiên MAIS được coi là một bộ phận trong MA tại Việt Nam, các nghiên cứu chưa nhiều nhưng đã đưa ra các tác động đến MAIS. Một số đề tài trong đó được sử dụng làm cơ sở cho nghiên cứu và thực hiện xây dựng mô hình dựa trên kinh nghiệm từ các nghiên cứu tiền nhiệm.

2.2. Các nghiên cứu về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

Nghiên cứu của Vân Trang và cộng sự (2020) cho thấy, mọi tổ chức, DN đều hướng tới hiệu quả hoạt động của DN, có thể ở mặt tài chính, phi tài chính hoặc cả hai khía cạnh này. Hiệu quả hoạt động của

DN là một nhân tố chủ chốt tạo nên sức cạnh tranh của DN cũng như tạo danh tiếng cho DN. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, với đánh giá dưới góc độ khách hàng, nghiên cứu sẽ sử dụng hiệu quả hoạt động phi tài chính của DN để đánh giá lợi thế cạnh tranh của DN đối với các DN khác.

2.3. Các nghiên cứu về tác động của OS, PEU tới MAIS

Nghiên cứu về các tác động tới MAIS được tiếp cận trên cơ sở nghiên cứu về tác động của OS, PEU tới MAIS trong DN Việt Nam.

OS tác động tới MAIS thông qua: Cơ cấu tổ chức; công nghệ tổ chức; văn hóa tổ chức; và trình độ nhân viên MA.

PEU tác động đến MAIS thông qua: Nhận thức về thị trường bên ngoài DN; biến động thị trường và mức độ cạnh tranh.

2.4. Các nghiên cứu về tác động của MAIS tới OP

Nghiên cứu về MAIS với công dụng một công cụ đánh giá lợi thế cạnh tranh của DN và xem xét giá trị lợi ích của toàn bộ vòng đời sản phẩm do DN tạo ra Bromwich (1990). Nghiên cứu đưa ra khẳng định việc ứng dụng MAIS đem đến OP lâu dài cho DN. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những khó khăn cho nhà quản lý trong việc ra QĐCL khi sử dụng MA truyền thống.

Abolfazl và cộng sự (2017) đưa ra nhận định về 121 DN vừa và nhỏ hoạt động trong mảng dịch vụ tại Malaysia. Việc áp dụng này có ảnh hưởng lớn đến OP của DN. Từ đó nghiên cứu đề xuất các nhà lãnh đạo DN cần coi trọng và vận hành MAIS.

Tại Việt Nam còn khá ít đề tài nghiên cứu về MAIS tác động như thế nào đến OP của doanh nghiệp. Hầu hết các nghiên cứu đều xuất phát từ các tổ chức, DN dịch vụ, thương mại. Cho đến nay, trong phạm vi tìm hiểu của nghiên cứu, chưa có nghiên cứu nào về ảnh hưởng của MAIS đến OP của DN may tại Việt Nam.

Các nghiên cứu về tác động của IS tới OP

Phan Thanh Mai (2019) thực hiện khảo sát với 163 DN tại nhiều lĩnh vực khác nhau đã chứng minh MAIS tăng OP và gia tăng quá trình hành của nhà

quản lý, nâng cao chất lượng QĐCL của lãnh đạo cấp cao.

Hệ thống thông tin và hoạt động của tổ chức có mối liên kết chặt chẽ với nhau. Trong ngành sản xuất, IS rất quan trọng trong việc quản lý môi trường đặc biệt là đối với công nghệ thông tin. Kết quả các nghiên cứu chỉ ra việc triển khai IS tốt, đặc biệt là đối với OP là nỗ lực của hệ thống và tổ chức DN. Đây là một kỳ vọng hợp lý đối với ngành sản xuất Malaysia để thực hiện IS, do đó mang lại hiệu quả tốt hơn.

3. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

3.1. Nguồn số liệu

Tác giả khảo sát 60 nhà lãnh đạo từ cấp trung đến cấp cao trong 15 doanh nghiệp may lớn, vừa, nhỏ trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Thời gian thu thập và xử lý dữ liệu từ tháng 02/2026 đến tháng 04/2026.

Kết quả nghiên cứu định tính đã được soạn thảo từ file ghi âm kết hợp với phần mềm Nvivo. Các thông tin đều được rà soát và đối chiếu để kiểm tra tính khách quan cùng sự thống nhất. Sau đó, dựa trên mô hình nghiên cứu, các thông tin được sàng lọc, xếp loại và phân tích để kiểm tra sơ bộ tính hợp lý của các giả thuyết đưa ra, mối quan hệ của các biến số và hiệu chỉnh thang đo cùng chuẩn hóa bảng câu hỏi cho phần nghiên cứu định lượng.

3.2. Mô hình nghiên cứu

3.2.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Thông qua nghiên cứu ảnh hưởng của OS và PEU tới MAIS cũng như những mối quan hệ của MAIS tới IS và OP, tác giả đề xuất các biến trong mô hình nghiên cứu gồm:

Biến độc lập: Cơ cấu doanh nghiệp (OS), nhận thức về sự không chắc chắn của môi trường (PEU). Hai biến này là 1st order factor cấu tạo nên các biến về phạm vi (SCO), tính kịp thời (TIM), tổng hợp (AGG) và tích hợp (INT) trong hệ thống báo cáo kế toán quản trị.

Biến nội sinh, trung gian: Hệ thống thông tin (IS)

Biến phụ thuộc: Hiệu quả hoạt động (OP)

Các biến điều tiết: Quy mô doanh nghiệp (SIZE) và tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu (EXPORT)

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết quả nghiên cứu

Bằng phần mềm SPSS và phần mềm Smart PLS để thực hiện các kiểm định theo phương pháp PLS Algorithm dựa trên mô hình nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, quy mô doanh nghiệp càng lớn thì việc nâng cao mức độ tích hợp trong MAIS càng góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động. Ngược lại, đối với các doanh nghiệp quy mô nhỏ, việc gia tăng mức độ tích hợp có thể không mang lại hiệu quả tương xứng, thậm chí tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động do phát sinh chi phí đầu tư, vận hành và duy trì hệ thống, trong khi lợi ích thu được chưa đủ bù đắp các chi phí này. Do đó, các DN may nhỏ của Việt Nam cần xem xét đầy đủ chi phí/lợi ích để đưa ra kết quả đúng đắn trong việc nâng cao mức độ tích hợp trong MAIS nhằm đem lại lợi ích tối đa cho doanh nghiệp. Còn đối với các DN lớn thì nên đầu tư phát triển INT để có thể gia tăng thêm hiệu quả hoạt động của DN.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, đối với các doanh nghiệp có tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu cao, việc cải thiện INT góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngược lại, ở các doanh nghiệp có tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu thấp, INT hầu như không tác động đến hiệu quả hoạt động, thậm chí trong một số trường hợp còn có tác động tiêu cực.

Thông qua phân tích biến điều tiết cho thấy, trong các DN may Việt Nam thì việc phát triển INT phụ thuộc vào quy mô (lớn) và tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu (cao) để mang lại hiệu quả hoạt động tốt nhất.

Kết quả nghiên cứu được rút ra thông qua các quá trình thực hiện nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, có tác động tích cực từ việc cải thiện cơ cấu tổ chức và nhận thức về sự không chắc chắn của môi trường tới hệ thống báo cáo kế toán quản trị. Sau đó, thông qua hệ thống thông tin, hệ thống báo cáo kế toán quản trị tác động tích cực tới hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, có tác động trực tiếp, tích cực từ yếu tố tích hợp trong hệ thống báo cáo kế toán quản trị tới hiệu quả hoạt động của các DN may Việt Nam. Các biến điều tiết về quy mô DN, tỷ lệ sản

phẩm xuất khẩu cũng có vai trò điều tiết các tác động từ INT tới hiệu quả hoạt động của các DN may ở Việt Nam.

4.2. Khuyến nghị giải pháp

4.2.1. Giải pháp nâng cao chất lượng hệ thống báo cáo kế toán quản trị

Thứ nhất, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên triển khai hệ thống báo cáo KTQT.

Thứ hai, xây dựng các nguyên tắc chuẩn mực đối với nhân viên kế toán quản trị.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác hệ thống báo cáo kế toán quản trị.

Thứ tư, đẩy mạnh dự báo, nắm bắt xu hướng thị trường.

Thứ năm, nâng cao tính kịp thời trong hệ thống báo cáo kế toán quản trị.

4.2.2. Đề xuất khuyến nghị nâng cao chất lượng hệ thống báo cáo kế toán quản trị

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu kết hợp với bài học kinh nghiệm phát triển hệ thống báo cáo kế toán quản trị của các doanh nghiệp may trên thế giới, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị cho các DN may Việt Nam như sau:

Thứ nhất, xây dựng cơ cấu tổ chức trong bộ máy quản lý của DN may hiệu quả.

Thứ hai, doanh nghiệp may cần nắm bắt kịp thời xu thế của thị trường.

Thứ ba, đầu tư công nghệ thông tin là đầu tư cho sự phát triển bền vững của DN.

Thứ tư, xây dựng mô hình tổ chức hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp với bối cảnh và trình độ phát triển của DN.

Đối với bất kỳ mô hình nào, DN đều cần tổ chức phân chia cụ thể tối thiểu thành 3 đơn vị, thực hiện các nhiệm vụ dự báo, phân tích và thiết lập kế hoạch. Nhân sự tất cả các bộ phận phải đảm bảo trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp.

Khuyến nghị đối với các cơ sở đào tạo

Thứ nhất, nhà trường nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy. Cần đảm bảo đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo thông qua thư viện truyền thống hoặc thư viện điện tử, chất lượng cơ sở vật chất và môi trường học tập.

Thứ hai, trọng tâm đào tạo cần hướng tới truyền tải các kiến thức chuyên sâu. Bên cạnh đó, xem xét việc xây dựng phòng “kế toán ảo” - nơi sinh viên được thường xuyên thực hành, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng và áp dụng lý thuyết vào thực tiễn.

Thứ ba, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm từ các chuyên gia nhằm bổ sung kiến thức thực tế cho học viên.

Khuyến nghị đối với Nhà nước và các cơ quan chức năng

Thứ nhất, Nhà nước thiết lập các chính sách hỗ trợ đối với các DN may.

Thứ hai, xây dựng chiến lược, mục tiêu phát triển hệ thống báo cáo kế toán quản trị đối với lĩnh vực dệt may.

Thứ ba, Nhà nước cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện kịp thời các văn bản quy định pháp luật về hệ thống báo cáo kế toán quản trị tạo nên hành lang pháp lý ổn định. Đặc biệt, chú trọng các quy định mang tính thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ tư, Chính phủ và Bộ Tài chính cần triển khai ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình tổ chức kế toán quản trị.

Thứ năm, Nhà nước và Bộ Tài chính cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kế toán quản trị hiện đại cho các DN.

Ngoài ra, Nhà nước có thể xem xét tới việc mở “ngân hàng tư liệu thông tin kinh tế - tài chính” nhằm cung cấp hệ thống thông tin đầy đủ, đa dạng trong thực hiện các nghiệp vụ về hệ thống báo cáo kế toán quản trị ở DN ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Vân Trang và cộng sự (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP Hồ Chí Minh, 15(3), 143-158.

Phan Thanh Mai (2019). Tác động của chiến lược kinh doanh đến mức độ sử dụng thông tin kế toán quản trị để nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp vừa và lớn ở Việt Nam. <https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/58914>.

Abolfazl. A.N.K, Bahared. H.N.N & Siti. Z. A.R (2017). The indirect effect of strategic management accounting in the relationship between CEO characteristics and their networking activities, and company performance. *Journal of accounting & Organizational change*, Vol.13. No 4, 2017 pp 471-491

Bromwich (1990), The Case For Strategic Management Accounting and Financial Accounting, *Journal of Management Accounting*. <https://www.semanticscholar.org/paper/THE-CASE-FOR-STRATEGIC-MANAGEMENT-ACCOUNTING%3A-THE-Bromwich/7a5e34a4b3e7d43a7eaffe1b12f766c32345dbb0>

Jihene Ghorbel (2016), A study of Contingency factors of Accounting Information System Design in Tunisian SMIs, Vol 10 p74-103, Springer Science & Business Media New York 2017. <https://link.springer.com/article/10.1007/s13132-016-0439-8>.

Ngày nhận bài: 15/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/6/2026

OVERVIEW OF MANAGEMENT ACCOUNTING REPORTING SYSTEMS IN VIETNAMESE GARMENT ENTERPRISES

● **NGUYEN THI TO PHUONG**

Faculty of Accounting and Auditing,
University of Economics - Technology for Industries

ABSTRACT:

This study synthesizes domestic and international studies on management accounting information systems (MAIS), organizational performance (OP), factors affecting MAIS, and the impact of MAIS on OP. The study contributes by examining the moderating role of firm size and export activities on performance, as well as the mediating role of innovation strategy in the relationship between MAIS and OP. Based on this, the study proposes a research model on the impact of MAIS on organizational performance in Vietnamese garment enterprises and provides recommendations to support sustainable development. The study contributes to both theoretical and practical understanding of the role of MAIS in improving operational performance and strategic management.

Keywords: management accounting reporting system, management accounting, sustainable development.